

# **Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



# Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 31

# Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303000640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp vào ngày 13 tháng 2 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 13 được cấp ngày 12 tháng 8 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Công nghệ cao, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Xuân An	Chủ tịch Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2020 Đến ngày 28 tháng 7 năm 2020
Ông Lưu Công An	Chủ tịch Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2020 Từ ngày 29 tháng 7 năm 2020
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Đỗ Quang Bình	Thành viên	
Bà Thiều Thị Ngọc Hiền	Thành viên	

### BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Thiều Thị Ngọc Hiền	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trí Tuấn Anh	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lưu Công An	Giám đốc
Ông Ninh Quốc Cường	Phó Giám đốc
Ông Đỗ Quang Tiến	Phó Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lưu Công An, Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lưu Công An  
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 61141842/21880578-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam (“Công ty”) và công ty con (sau đây gọi chung là “Công ty và công ty con”) được lập ngày 23 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



---

Phùng Mạnh Phú  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2598-2018-004-1

---

Lê Minh Tùng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4656-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2021



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>804.009.211.451</b>	<b>632.239.410.097</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>1.225.545.353</b>	<b>1.178.019.948</b>
111	1. Tiền		1.225.545.353	1.178.019.948
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>4.016.534.445</b>	<b>2.617.185.511</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	4.281.508.336	4.344.640.736
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	2.715.819.340	1.604.978.147
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		770.171.304	418.531.163
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(3.750.964.535)	(3.750.964.535)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>755.676.871.952</b>	<b>590.683.715.166</b>
141	1. Hàng tồn kho	6	755.676.871.952	590.683.715.166
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>43.090.259.701</b>	<b>37.760.489.472</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		10.542.427	63.556.850
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		43.079.717.274	37.696.932.622
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>68.139.449.846</b>	<b>76.082.398.392</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>43.023.834.107</b>	<b>50.363.475.761</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	41.654.457.500	48.279.641.794
222	Nguyên giá		110.987.799.092	108.953.321.706
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(69.333.341.592)	(60.673.679.912)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	1.369.376.607	2.083.833.967
228	Nguyên giá		3.572.286.800	3.572.286.800
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.202.910.193)	(1.488.452.833)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>376.309.800</b>	<b>147.434.888</b>
242	1. Xây dựng cơ bản dở dang		376.309.800	147.434.888
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>24.739.305.939</b>	<b>25.571.487.743</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	24.739.305.939	25.571.487.743
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>872.148.661.297</b>	<b>708.321.808.489</b>



Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>663.622.997.525</b>	<b>511.872.912.684</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>663.622.997.525</b>	<b>511.872.912.684</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	649.229.290.086	505.402.159.720
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		17.424.000	17.424.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	227.272.709	156.727.498
314	4. Phải trả người lao động		12.476.656.145	5.502.589.741
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	886.577.320	210.000.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		334.502.157	316.492.492
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13	451.275.108	267.519.233
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>208.525.663.772</b>	<b>196.448.895.805</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>14</b>	<b>208.525.663.772</b>	<b>196.448.895.805</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		110.000.000.000	110.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		110.000.000.000	110.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(176.913.636)	(176.913.636)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		15.370.459.308	15.370.459.308
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		83.328.809.065	71.252.300.429
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		70.385.668.553	59.697.409.905
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		12.943.140.512	11.554.890.524
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		3.309.035	3.049.704
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>872.148.661.297</b>	<b>708.321.808.489</b>

*PM*

*HL*



Phạm Thị Duyên  
Người lập

Cao Hoàng Lan  
Kế toán trưởng

Lưu Công An  
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2021



Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	839.333.284.483	726.514.314.999
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	15.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	839.333.284.483	726.514.314.999
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	16	(800.201.193.159)	(690.882.562.436)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		39.132.091.324	35.631.752.563
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		12.657.314	30.512.200
22	7. Chi phí tài chính	17	(5.164.136)	(852.547.172)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	(840.387.123)
25	8. Chi phí bán hàng	18	(5.807.926.843)	(4.053.580.700)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(17.335.519.262)	(17.702.795.078)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		15.996.138.397	13.053.341.813
31	11. Thu nhập khác		795	489.483.738
32	12. Chi phí khác		(2)	(10.047.768)
40	13. Lợi nhuận khác		793	479.435.970
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.996.139.190	13.532.777.783
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	(3.052.739.347)	(2.141.953.261)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	20.1	-	164.267.145
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		12.943.399.843	11.555.091.667
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		12.943.140.512	11.554.890.524
62	19. Lãi sau thuế của cổ đông không kiểm soát		259.331	201.143
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	1.088	972
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	21	1.088	972

Phạm Thị Duyên  
Người lập

Cao Hoàng Lan  
Kế toán trưởng



Lưu Công An  
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>15.996.139.190</b>	<b>13.532.777.783</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, hao mòn tài sản cố định vô hình và phân bổ chi phí thuê đất trả một lần_		9.523.825.203	10.370.545.188
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.726.530	7.803.087
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.121.172)	(37.557.105)
06	Chi phí lãi vay	16	-	840.387.123
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>25.518.569.751</b>	<b>24.713.956.076</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(6.782.133.586)	298.347.130
10	Tăng hàng tồn kho		(165.072.714.163)	(73.955.865.536)
11	Tăng các khoản phải trả		151.466.675.070	102.469.564.840
12	Giảm chi phí trả trước		643.740.063	198.577.315
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(3.658.553.789)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	11	(2.956.073.688)	(2.200.000.000)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(682.876.000)	(942.950.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>2.135.187.447</b>	<b>46.923.076.036</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(2.071.534.046)	(10.127.695.823)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	19.740.000
24	Tiền thu hồi cho vay		-	500.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay		4.121.172	17.817.105
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(2.067.412.874)</b>	<b>(9.590.138.718)</b>

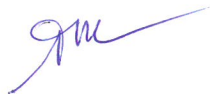
Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

B03-DN/HN

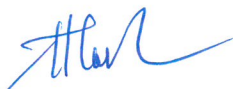
BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
34	Tiền trả nợ gốc vay		-	(37.000.000.000)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(20.475.000)	(61.744.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(20.475.000)	(37.061.744.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		47.299.573	271.193.318
60	Tiền đầu năm		1.178.019.948	906.926.442
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		225.832	(99.812)
70	Tiền cuối năm	4	1.225.545.353	1.178.019.948



Phạm Thị Duyên  
Người lập



Cao Hoàng Lan  
Kế toán trưởng



Lưu Công An  
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303000640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 13 tháng 2 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 13 được cấp ngày 12 tháng 8 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Công nghệ cao, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 391 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 408 nhân viên).

**Cơ cấu tổ chức**

Công ty có 1 công ty con là Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm giữ 99,99% vốn cổ phần và quyền biểu quyết tại công ty con này (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 99,99%). Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long có trụ sở chính tại đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 3, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động chính trong năm của công ty con này là chế tác và kinh doanh đá.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và công ty con là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và công ty con là VND.

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.6 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty và công ty con là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty và công ty con là bên cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

#### 3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	8 - 30 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 11 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

#### 3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và công ty con. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm lợi thế quyền thuê và số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với bên cho thuê vào ngày 30 tháng 5 năm 2008 trong thời hạn 49 năm của công ty mẹ và hợp đồng thuê đất ký với một đối tác khác ngày 29 tháng 11 năm 2010 trong thời hạn thuê là 48 năm của công ty con theo hướng dẫn trong Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

#### 3.10 Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh

Công ty mua công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Công ty sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu từ cho thuê hoạt động*

Thu nhập từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thông tin theo bộ phận**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và công ty con là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và công ty con được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và công ty con sản xuất ra hoặc do Công ty và công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty và công ty con và công ty con chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty và công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	303.202.891	377.085.959
Tiền gửi ngân hàng	922.342.462	800.933.989
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.225.545.353</u></b>	<b><u>1.178.019.948</u></b>

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội	1.178.951.610	1.178.951.610
Công ty Cổ phần TID	1.396.067.957	1.396.067.957
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.706.488.769	1.769.621.169
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.281.508.336</u></b>	<b><u>4.344.640.736</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.750.964.535)	(3.750.964.535)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN** (tiếp theo)

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	816.577.320	-
Công ty TNHH Wuhan M-Hongda Trading	752.570.880	-
Tập đoàn Shenyang Head Science and Technology	650.043.900	-
Marmo Meccanica S.P.A	-	864.388.280
Công ty TNHH Thiết bị nâng Tín Nghĩa	-	165.550.000
Các khoản trả trước khác	496.627.240	575.039.867
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.715.819.340</b>	<b>1.604.978.147</b>
Trong đó:		
<i>Trả trước cho các khách hàng khác</i>	2.715.819.340	1.407.343.147
<i>Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 22)</i>	-	197.635.000

**6. HÀNG TỒN KHO**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	148.761.900	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	709.415.848.906	-	546.811.101.818	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.535.774.913	-	16.789.601.268	-
Thành phẩm	17.417.459.265	-	19.481.678.141	-
Công cụ, dụng cụ	5.849.882.456	-	7.083.834.500	-
Hàng hóa	309.144.512	-	517.499.439	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>755.676.871.952</b>	<b>-</b>	<b>590.683.715.166</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	54.851.865.780	45.134.707.941	7.988.573.857	978.174.128	108.953.321.706
- Mua trong năm	-	1.415.472.236	505.000.000	114.005.150	2.034.477.386
Số cuối năm	54.851.865.780	46.550.180.177	8.493.573.857	1.092.179.278	110.987.799.092
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	21.124.268.928	12.981.939.420	1.868.901.512	132.297.673	36.107.407.533
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số đầu năm	33.265.067.471	22.356.643.713	4.494.161.415	557.807.313	60.673.679.912
- Khấu hao trong năm	2.448.128.075	4.996.266.115	1.051.793.406	163.474.084	8.659.661.680
Số cuối năm	35.713.195.546	27.352.909.828	5.545.954.821	721.281.397	69.333.341.592
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	21.586.798.309	22.778.064.228	3.494.412.442	420.366.815	48.279.641.794
Số cuối năm	19.138.670.234	19.197.270.349	2.947.619.036	370.897.881	41.654.457.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

*Phần mềm máy tính*

**Nguyên giá:**

Số đầu năm 3.572.286.800

Số cuối năm 3.572.286.800

**Giá trị hao mòn lũy kế:**

Số đầu năm 1.488.452.833

- Hao mòn trong năm 714.457.360

Số cuối năm 2.202.910.193

**Giá trị còn lại:**

Số đầu năm 2.083.833.967

Số cuối năm 1.369.376.607

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền thuê đất trả trước	23.301.188.309	24.034.595.346
Chi phí công cụ dụng cụ	909.220.400	952.880.455
Chi phí trả trước dài hạn khác	528.897.230	584.011.942
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>24.739.305.939</u></b>	<b><u>25.571.487.743</u></b>

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	3.483.099.844	3.483.099.844	6.285.161.661	6.285.161.661
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	645.746.190.242	645.746.190.242	499.116.998.059	499.116.998.059
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>649.229.290.086</u></b>	<b><u>649.229.290.086</u></b>	<b><u>505.402.159.720</u></b>	<b><u>505.402.159.720</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế thu nhập cá nhân	150.653.810	992.575.721	(1.018.696.169)	124.533.362
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.073.688	3.052.739.347	(2.956.073.688)	102.739.347
Thuế giá trị gia tăng	-	12.906.658.952	(12.906.658.952)	-
Thuế nhập khẩu	-	212.303.220	(212.303.220)	-
Thuế khác	-	7.996.474	(7.996.474)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>156.727.498</b>	<b>17.172.273.714</b>	<b>(17.101.728.503)</b>	<b>227.272.709</b>

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí thuế đất	816.577.320	-
Chi phí dịch vụ	70.000.000	140.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>886.577.320</b>	<b>140.000.000</b>

**13. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	267.519.233	565.788.421
Trích lập quỹ ( <i>Thuyết minh số 14.1</i> )	866.631.875	644.680.812
Chi quỹ trong năm	(682.876.000)	(942.950.000)
Số cuối năm	451.275.108	267.519.233



## Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 14.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
<b>Năm trước</b>						
Số đầu năm	110.000.000.000	(176.913.636)	15.370.459.308	60.342.090.717	2.848.561	185.538.484.950
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	11.554.890.524	201.143	11.555.091.667
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(644.680.812)	-	(644.680.812)
Số cuối năm	110.000.000.000	(176.913.636)	15.370.459.308	71.252.300.429	3.049.704	196.448.895.805
<b>Năm nay</b>						
Số đầu năm	110.000.000.000	(176.913.636)	15.370.459.308	71.252.300.429	3.049.704	196.448.895.805
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	12.943.140.512	259.331	12.943.399.843
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(866.631.876)	-	(866.631.876)
Số cuối năm	110.000.000.000	(176.913.636)	15.370.459.308	83.328.809.065	3.309.035	208.525.663.772

(\*) Công ty đã thực hiện trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng Ban Điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết số 01/2020/NQ/STV-DHĐCĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

#### 14.2 *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số (VND)	Cổ phiếu thường	Tổng số (VND)	Cổ phiếu thường
Công ty Cổ phần Phương Hoàng Xanh A&A	66.585.890.000	6.658.589	66.585.890.000	6.658.589
Các cổ đông khác	43.414.110.000	4.341.411	43.414.110.000	4.341.411
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>110.000.000.000</b>	<b>11.000.000</b>	<b>110.000.000.000</b>	<b>11.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**14.3 Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>11.000.000</b>	<b>11.000.000</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.000.000	11.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>11.000.000</b>	<b>11.000.000</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.000.000	11.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>11.000.000</b>	<b>11.000.000</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.000.000	11.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.000 VND/cổ phiếu).

**15. DOANH THU**

**15.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>839.333.284.483</b>	<b>726.514.314.999</b>
Trong đó:		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	836.244.912.027	723.871.993.567
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	3.028.372.456	2.582.321.432
<i>Doanh thu khác</i>	60.000.000	60.000.000
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>839.333.284.483</b>	<b>726.514.314.999</b>
Trong đó:		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	554.732.691	1.033.894.679
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i> (Thuyết minh số 22)	838.778.551.792	725.480.420.320

**16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm	797.956.639.639	688.931.401.088
Giá vốn của hàng hóa	2.243.485.520	1.949.776.803
Giá vốn khác	1.068.000	1.384.545
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>800.201.193.159</b>	<b>690.882.562.436</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	-	840.387.123
Chi phí tài chính khác	5.164.136	12.160.049
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.164.136</b>	<b>852.547.172</b>

**18. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân công	4.049.185.384	2.506.705.578
Chi phí đồ dùng văn phòng	105.755.675	223.577.407
Chi phí bán hàng khác	1.652.985.784	1.323.297.715
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.807.926.843</b>	<b>4.053.580.700</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	9.121.475.333	8.385.141.659
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.248.188.387	2.681.708.534
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.965.855.542	6.635.944.885
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.335.519.262</b>	<b>17.702.795.078</b>

**19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	715.325.028.214	622.306.229.160
Chi phí nhân công	75.097.115.550	60.634.804.074
Chi phí khấu hao, hao mòn, và phân bổ chi phí thuê đất trả một lần	9.523.825.203	10.370.545.188
Chi phí khác	24.971.368.408	37.724.128.758
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>824.917.337.375</b>	<b>731.035.707.180</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty và công ty con là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Trong năm 2020, Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long phát sinh doanh thu nhỏ hơn 200 tỷ, theo đó, công ty con này được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp cho kỳ tính thuế năm 2020 căn cứ theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội.

Các quyết toán thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**20.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.052.739.347	2.141.953.261
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	(164.267.145)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.052.739.347</u></b>	<b><u>1.977.686.116</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>15.996.139.190</b>	<b>13.532.777.783</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty và công ty con	3.199.227.838	2.219.005.702
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	3.199.227.838	756.356.137
Thuế TNDN theo thuế suất 15%	-	1.462.649.565
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Chi phí lãi vay vượt hạn mức	-	10.579.856
Phân bổ chênh lệch giữa giá phí và giá trị ghi sổ tài sản thuần khi mua nhóm tài sản	64.975.083	64.975.083
Chi phí không được trừ	154.933.105	147.031.336
Thuế TNDN được giảm của công ty con (*)	(139.885.468)	-
Lỗi năm trước chuyển sang	(226.511.211)	(463.905.861)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>3.052.739.347</u></b>	<b><u>1.977.686.116</u></b>

(\*) Theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2020 và theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 25 tháng 9 năm 2020, công ty con của Công ty thuộc nhóm đối tượng được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp trong năm 2020. Theo đó, công ty con đã điều chỉnh giảm chi phí TNDN trong năm hiện hành với tổng giá trị là 139.885.468 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**20.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**20.3 Lỗi chuyển sang từ năm trước**

Công ty và công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty và công ty con có khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2020	Đơn vị tính: VND	
				Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2020
2014	2019	649.295.925	(649.295.925)	-	-
2015	2020	609.200.365	(609.200.365)	-	-
2016	2021	604.182.445	(604.182.445)	-	-
2017	2022	1.109.697.110	(1.109.697.110)	-	-
2018 (**)	2023	426.810.237	(426.810.237)	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3.399.186.082</b>	<b>(3.399.186.082)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai của công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương kiểm tra vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(\*\*) Các khoản lỗ tính thuế của năm 2018 nêu trên của công ty con đã được điều chỉnh theo hướng dẫn của Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 sửa đổi Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 do Chính phủ ban hành về quy định mức tỷ lệ lãi vay được khấu trừ áp dụng từ năm tính thuế 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.943.140.512	11.554.890.524
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng Ban Điều hành (*)	<u>(970.752.436)</u>	<u>(866.631.876)</u>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>11.972.388.076</u></b>	<b><u>10.688.258.650</u></b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>11.000.000</u>	<u>11.000.000</u>
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b><u>11.000.000</u></b>	<b><u>11.000.000</u></b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.088	972
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.088	972

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2019 để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận của năm 2019 theo quyết định phân phối lợi nhuận năm 2019 được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2020 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính phần trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận của năm 2020 sau kiểm toán theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và công ty con với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Vicostone	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, vật tư Mua hàng hóa Chi phí thuê xe	838.464.669.343 742.978.197.071 60.000.000	723.181.794.705 554.565.731.550 60.000.000
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa Bán hàng hóa, vật tư	48.620.680.461 63.322.424	43.197.518.861 164.835.436
Công ty Cổ phần Phượng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Mua hàng hóa Bán hàng hóa, vật tư Dịch vụ cắt đá Chi phí lãi vay Thanh toán gốc vay Thanh toán lãi vay	52.693.301.805 190.560.023 - - - -	47.452.109.337 2.133.790.179 464.660.000 840.387.123 37.000.000.000 3.658.553.789
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM - Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn	Chi phí dịch vụ tư vấn	-	266.690.660
Công ty Cổ phần Trung tâm Séc G3	Công ty cùng Tập đoàn	Mua vật tư Chi phí ăn ca	1.213.227.672 1.953.842.326	2.405.635.149 2.226.706.207

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản phải thu về cho vay và vay có lãi, số dư các khoản phải thu, phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 không cần bảo đảm không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cần trừ công nợ. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty và công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 10)</i></b>				
Công ty Cổ phần Vicostone	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	621.464.307.199	410.772.944.714
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	10.422.904.063	53.996.364.693
Công ty Cổ phần Phương Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	13.422.284.311	33.923.439.229
Công ty Cổ phần Trung tâm Séc G3	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	436.694.669	424.249.423
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>645.746.190.242</b>	<b>499.116.998.059</b>
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)</i></b>				
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM - Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ	-	197.635.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>-</b>	<b>197.635.000</b>

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Thu nhập</i>				
<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
<b>Hội đồng Quản trị</b>				
Ông Nguyễn Xuân An	Chủ tịch	32.500.000	30.000.000	
Ông Lưu Công An	Thành viên/Giám đốc	33.500.000	33.550.000	
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	30.000.000	32.450.000	
Bà Thiều Thị Ngọc Hiền	Thành viên	30.000.000	30.000.000	
Ông Đỗ Quang Bình	Thành viên	30.000.000	30.000.000	
<b>Ban Giám đốc</b>				
Ông Ninh Quốc Cường	Phó Giám đốc	684.397.574	713.537.616	
Ông Đỗ Quang Tiến	Phó Giám đốc	842.371.299	782.402.943	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.682.768.873</b>	<b>1.651.940.559</b>	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

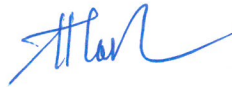
Công ty và công ty con đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động với thời hạn 49 năm kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2008 và 48 năm kể từ ngày 1 tháng 12 năm 2010. Theo các hợp đồng thuê đất đã ký, Công ty và công ty con có nghĩa vụ di dời tất cả các công trình xây dựng, vật kiến trúc, thiết bị, vật liệu trên khu đất cho thuê và trả lại mặt bằng đất nguyên trạng như tại thời điểm được bàn giao đất tại thời điểm kết thúc hợp đồng thuê.

**24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm, yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.



Phạm Thị Duyên  
Người lập



Cao Hoàng Lan  
Kế toán trưởng



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2021